



Original Article

Chinese Reading Learning Strategies of Vietnamese Students

Luu Hon Vu*

Ho Chi Minh University of Banking, 36 Ton That Dam, District 1, Ho Chi Minh, Vietnam

Received 16 October 2022

Revised 28 February 2023; Accepted 20 March 2023

Abstract: The article uses the questionnaire survey method, surveying the use of strategies for learning Chinese reading skills of 187 students majoring in Chinese language at the Ho Chi Minh City University of Foreign Languages - Information Technology. The survey results show that: Students have a high frequency of using strategies for learning reading skills, in which the cognitive strategies and the metacognitive strategies have a high frequency of using them. Socio-affective strategies have moderate frequency of use. There is no difference in the use of reading strategies in terms of demographic factors (gender, region). There exists a positive correlation between the cognitive strategy group and the socio-affective strategies with the students' reading skills learning outcomes, there is no correlation between the metacognitive strategies and the students' reading skills learning outcomes. From the above research results, the article made some recommendations in teaching Chinese reading skills to Vietnamese students.

Keywords: Learning strategies, Reading, Chinese, Vietnamese students.

* Corresponding author.

E-mail address: luuhonvu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4717>

Chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam

Luu Hón Vũ*

*Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh,
36 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 10 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 02 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tóm tắt: Bài viết sử dụng phương pháp điều tra bảng hỏi, khảo sát tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của 187 sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát thấy: Sinh viên có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc ở mức độ cao, trong đó nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược siêu nhận thức có tần suất sử dụng ở mức độ cao, nhóm chiến lược xã hội - tình cảm có tần suất sử dụng ở mức độ trung bình. Không tồn tại sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc trên phương diện các nhân tố nhân khẩu học (giới tính, vùng miền). Tồn tại mối tương quan thuận giữa nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm với kết quả học tập kỹ năng đọc của sinh viên, không tồn tại mối tương quan giữa nhóm chiến lược siêu nhận thức với kết quả học tập kỹ năng đọc của sinh viên. Từ đó, bài báo đưa ra một số kiến nghị trong việc giảng dạy chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc cho sinh viên Việt Nam.

Từ khóa: Chiến lược học tập, kỹ năng đọc, tiếng Trung Quốc, sinh viên Việt Nam.

1. Mở đầu

Đọc là quá trình tiếp nhận thông tin từ hệ thống văn tự, bao gồm cả những kí hiệu, hình, bảng có ý nghĩa nhất định [1]. Nói cách khác, thông qua cơ quan thị giác tiếp nhận thông tin kí hiệu chữ viết, sau đó thông qua gia công mã hoá trong não, từ đó hiểu ý nghĩa văn bản. Có thể nói, kỹ năng đọc giữ vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận kiến thức và thụ đắc ngôn ngữ.

Chiến lược học tập kỹ năng đọc là phương pháp và kỹ năng trạng thái tĩnh và bị động mà người đọc sử dụng [2], là phương pháp đọc hiểu được người đọc linh hoạt lựa chọn sử dụng trên cơ sở loại hình văn bản, nội dung và mục đích đọc [3]. Đó là quá trình hành vi mà người học sử dụng để giải quyết những khó khăn trong đọc hiểu [4].

Nghiên cứu về chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Trên cơ sở dữ liệu CNKI (www.cnki.net) của Trung Quốc, chúng tôi tìm được 27 nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến chiến lược học tập kỹ năng đọc của người học tiếng Trung Quốc. Các nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp phỏng vấn và điều tra bảng hỏi, khảo sát tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của nhiều đối tượng người học khác nhau, như lưu học sinh Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ, Lào tại Trung Quốc [5-9], người học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Kyrgyzstan, Indonesia, Myanmar, Tây Ban Nha, Cameroon [10-14]. Các nghiên cứu này cũng đã phân tích sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc về các nhân tố cá thể (giới tính, cấp lớp, tuổi tác, dân tộc, thời gian học tập), cũng như mối tương quan giữa kết quả học tập và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: luuhonvu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4717>

Hiện nay, đã có một số nghiên cứu về chiến lược học tập tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam, như các nghiên cứu về chiến lược học tập của lưu học sinh Việt Nam tại Trung Quốc [15, 16], các nghiên cứu về sinh viên học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ thứ hai hoặc như một chuyên ngành [17, 18], chiến lược học tập kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam [19]. Tuy nhiên, nghiên cứu về chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam vẫn còn rất hạn chế. Chúng tôi chỉ tìm thấy một nghiên cứu đề cập đến các chiến lược đọc hiểu tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Thương mại [20]. Song, nghiên cứu này chỉ trình bày các quan sát của nhóm tác giả, không có các yếu tố định lượng, vì thế chưa xác định được nhóm chiến lược học tập kỹ năng đọc mà sinh viên thường sử dụng, chưa phân tích được sự khác biệt về các nhân tố nhân khẩu học trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc, cũng như mối quan hệ giữa việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc với kết quả học tập kỹ năng này.

Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi muốn tìm câu trả lời cho bốn vấn đề sau:

i) Thứ nhất, tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên như thế nào;

ii) Thứ hai, nhân tố giới tính có ảnh hưởng như thế nào đến chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên;

iii) Thứ ba, nhân tố vùng miền có ảnh hưởng như thế nào đến chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên;

iv) Thứ tư, có tồn tại mối tương quan giữa kết quả học tập và chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên không.

2. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu này được thực hiện theo quan niệm của O' Malley và Chamot (1990) về chiến lược học tập. Căn cứ vào Thuyết Xử lý thông tin (Information Processing Theory), O' Malley và Chamot đã định nghĩa rằng, chiến lược học tập ngôn ngữ là những biện pháp, cách thức hữu

hiệu mà người học sử dụng nhằm làm cho kỹ năng ngôn ngữ của bản thân tốt hơn. Những biện pháp, cách thức mà người học sử dụng trong quá trình học tập ngôn ngữ có thể giúp người học tiến hành nội hiện hoá, lưu trữ, sửa chữa và sử dụng thông tin ngôn ngữ đã được học một cách tốt hơn.

O' Malley và Chamot phân chiến lược học tập thành ba nhóm chiến lược: nhóm chiến lược siêu nhận thức (metacognitive strategies), nhóm chiến lược nhận thức (cognitive strategies) và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm (socio-affective strategies). Nhóm chiến lược siêu nhận thức là những phương thức mà người học sử dụng để tiến hành quản lý, kiểm soát và điều tiết cả quá trình học tập ngôn ngữ của bản thân. Nhóm chiến lược nhận thức là những phương pháp, cách thức, kỹ thuật cụ thể mà người học sử dụng trong quá trình học tập ngôn ngữ. Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm là những cách thức mà người học tương tác với người khác (thầy cô, bạn học,...) nhằm cùng nhau chia sẻ thông tin và có được những phản hồi cụ thể [21].

Mỗi nhóm chiến lược bao gồm nhiều chiến lược cụ thể khác nhau, như Bảng 1.

Bảng 1. Phân loại chiến lược học tập

Nhóm chiến lược	Chiến lược cụ thể
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Lên kế hoạch (advance organizers); Hướng sự chú ý (directed attention); Quy hoạch chức năng (functional planning); Chú ý có chọn lọc (selective attention); Tự quản lý (self-management); Tự kiểm soát (self-monitoring); Tự đánh giá (self-evaluation).
Nhóm chiến lược nhận thức	Tài liệu tham khảo (resourcing); Lặp lại (repetition); Phân nhóm (grouping);

	Suy luận (deduction); Hình ảnh (imagery); Tái hiện bằng thính giác (auditory representation); Phương pháp từ khoá (keyword method); Liên tưởng (elaboration); Chuyển hoá (transfer); Suy đoán (inferencing); Ghi chép (note taking); Tóm tắt (summarizing); Tổ hợp lại (recombination); Dịch (translation).
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Đặt câu hỏi (question for clarification); Hợp tác (cooperation).

3. Thiết kế nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh thông qua nền tảng Google Forms. Tham gia khảo sát là 187 sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Cơ cấu giới tính, dân tộc, vùng miền và độ tuổi trung bình của khách thể nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Cơ cấu khách thể nghiên cứu

Chỉ tiêu		Số lượng	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	20	10,7
	Nữ	167	89,3
Dân tộc	Kinh	170	90,9
	Khác	17	9,1
Vùng miền	Miền Bắc	16	8,6
	Miền Trung	44	23,5
	Miền Nam	127	67,9
Độ tuổi trung bình		19,2	

3.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế trên cơ sở phân loại chiến lược học tập của

O' Malley và Chamot (1990). Bảng hỏi gồm 34 câu hỏi, trong đó có 10 câu hỏi thuộc nhóm chiến lược siêu nhận thức (Q1 đến Q10), 20 câu hỏi thuộc nhóm chiến lược nhận thức (Q11 đến Q30) và 4 câu hỏi thuộc nhóm chiến lược xã hội - tình cảm (Q31 đến Q34). Các câu hỏi đều sử dụng thang đo năm bậc của Likert từ "hoàn toàn không đồng ý" đến "hoàn toàn đồng ý".

3.3. Công cụ phân tích dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng phần mềm SPSS 25.0 làm công cụ phân tích số liệu thu thập được. Chúng tôi sử dụng thống kê mô tả (Descriptive Statistics) và kiểm định trị trung bình của mẫu phối hợp từng cặp (Paired samples T-test) để phân tích tình hình sử dụng chiến lược học tập kĩ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên, sử dụng kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập (Independent - samples T-test) và kiểm định phương sai một yếu tố (One-Way ANOVA) để phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố cá thể (giới tính, vùng miền) với việc sử dụng chiến lược học tập kĩ năng đọc tiếng Trung Quốc, sử dụng phân tích tương quan Pearson (Pearson Correlation) để tìm hiểu mối quan hệ giữa kết quả học tập và việc sử dụng chiến lược học tập kĩ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Tình hình chung

Tần suất sử dụng chiến lược học tập kĩ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên như Bảng 3.

Bảng 3. Tần suất sử dụng chiến lược học tập kĩ năng đọc

Nhóm chiến lược	Mean	SD
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	3,65	0,63
Nhóm chiến lược nhận thức	3,77	0,49
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	3,20	0,89
Tổng thể	3,54	0,58

Theo Lưu Hớn Vũ, tần suất sử dụng chiến lược học tập có thể chia làm ba cấp: cấp độ tần suất sử dụng thấp có Mean từ 1,0 đến dưới 2,5,

cấp độ tần suất sử dụng trung bình có Mean từ 2,5 đến 3,5, cấp độ tần suất sử dụng cao có Mean từ trên 3,5 đến 5,0 [19]. Từ Bảng 3 có thể thấy, sinh viên có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc ở mức độ cao (Mean = 3,54) về mặt tổng thể. Trong đó, nhóm chiến lược nhận thức (Mean = 3,77) và nhóm chiến lược siêu nhận thức (Mean = 3,65) có tần suất sử dụng ở mức độ cao, nhóm chiến lược xã hội - tình cảm có tần suất sử dụng ở mức độ trung bình. Kết quả so sánh đa tầng cho thấy, tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức có sự khác biệt có ý nghĩa với tần suất sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức ($t = 3,25, p < 0,01$) và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm ($t = 9,96, p < 0,01$), tần suất sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức có sự khác biệt có ý nghĩa với tần suất sử dụng nhóm chiến lược xã hội - tình cảm ($t = 9,14, p < 0,01$).

Trong nhóm chiến lược siêu nhận thức, sinh viên có tần suất sử dụng cao ở hầu hết các chiến lược, song có tần suất sử dụng trung bình ở các chiến lược Q1 “trước khi tra từ mới, tôi sẽ nghĩ xem từ này có cần tra không” (Mean = 3,33, SD = 1,26), Q2 “tôi có kế hoạch đọc, ví dụ mỗi tuần đọc mấy bài viết bằng tiếng Trung Quốc” (Mean = 3,16, SD = 1,06) và Q9 “tôi tìm đọc báo, tạp chí tiếng Trung Quốc sau giờ học, nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu của mình” (Mean = 2,92, SD = 1,11).

Trong nhóm chiến lược nhận thức, sinh viên có tần suất sử dụng cao ở hầu hết các chiến lược, song có tần suất sử dụng trung bình ở các chiến lược Q23 “khi đọc, tôi chú ý tìm kiếm câu chủ đề của đoạn văn, đồng thời tổng kết tư tưởng trung tâm của cả bài” (Mean = 3,45, SD = 1,08), Q22 “khi đọc, tôi thường đánh kí hiệu ở điểm quan trọng” (Mean = 3,34, SD = 1,26) và Q14 “khi đọc, tôi không đọc thành tiếng” (Mean = 2,80, SD = 1,22).

Trong nhóm chiến lược xã hội - tình cảm, sinh viên có tần suất sử dụng cao ở chiến lược Q32 “khi đọc không hiểu, tôi sẽ hỏi thầy cô, bạn bè hoặc người Trung Quốc” (Mean = 3,66, SD = 1,13), song có tần suất sử dụng trung bình ở các chiến lược Q33 “khi đọc, tôi có thể hiểu tư tưởng và cảm nhận của tác giả” (Mean = 3,22, SD = 1,02), Q31 “tôi thích chia sẻ với

thầy cô và bạn bè về cảm nhận đọc hiểu của bản thân” (Mean = 3,01, SD = 1,13), Q34 “khi đọc, trong đầu tôi sẽ đối thoại, đặt câu hỏi với tác giả” (Mean = 2,93, SD = 1,12).

Có thể thấy rằng, nếu gặp từ mới trong quá trình đọc, đại đa số sinh viên sẽ ghi chú lại từ đó, đoán nghĩa từ đó thông qua ngữ cảnh hoặc tra từ điển hoặc vẫn đọc tiếp dù không hiểu từ đó, một bộ phận sinh viên sẽ nghĩ xem có cần tra từ này không. Trong quá trình đọc, đại đa số sinh viên sẽ chỉ vào từng chữ Hán, đọc to từng chữ một, đồng thời có sự chuyển mã ngôn ngữ Trung - Việt ngay trong đầu. Đại đa số sinh viên sẽ căn cứ vào tiêu đề, kết cấu văn bản, các hình ảnh, bảng biểu có liên quan, nội dung đã đọc, kiến thức nền và tưởng tượng trong đầu những hình ảnh có liên quan đến văn bản, để giúp bản thân hiểu hơn về văn bản đang đọc. Đại đa số sinh viên sẽ đọc lướt để nắm đại ý của văn bản, sau đó mới đọc kĩ, nếu gặp câu khó sẽ đọc đi đọc lại cho đến khi hiểu câu đó, đồng thời tổng kết nội dung văn bản, ôn tập từ vựng và ngữ pháp sau khi đọc xong văn bản đó. Tuy nhiên, việc tìm kiếm câu chủ đề của đoạn văn và đánh kí hiệu các điểm quan trọng trong văn bản chỉ được sử dụng với tần suất trung bình. Đại đa số sinh viên không có kế hoạch đọc hàng tuần hoặc chủ động tìm đọc thêm các văn bản tiếng Trung Quốc, song lại thường xuyên suy nghĩ, đánh giá những tiến bộ và khiếm khuyết về năng lực đọc của bản thân. Đại đa số sinh viên sẽ hỏi những người biết tiếng Trung Quốc về những nội dung trong văn bản mà mình không hiểu, song chỉ một bộ phận sinh viên thích chia sẻ với người khác về những cảm nhận của bản thân đối với văn bản đã đọc, cũng như có những đối thoại trong đầu với tác giả khi đọc văn bản.

4.2. Mối quan hệ giữa nhân tố giới tính và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc

Tham gia khảo sát có 20 sinh viên nam (chiếm tỉ lệ 10,7%) và 167 sinh viên nữ (chiếm tỉ lệ 89,3%). Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc theo giới tính như Bảng 4.

Bảng 4. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc theo giới tính

Nhóm chiến lược	Giới tính	Mean	SD	t	p
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nam	3,58	0,83	-0,55	0,58
	Nữ	3,66	0,61		
Nhóm chiến lược nhận thức	Nam	3,68	0,56	-0,85	0,40
	Nữ	3,78	0,48		
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Nam	3,36	1,13	0,85	0,40
	Nữ	3,18	0,85		
Tổng thể	Nam	3,54	0,78	-0,01	1,00
	Nữ	3,54	0,55		

Bảng 4 cho thấy, tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc của sinh viên nam và sinh viên nữ về mặt tổng thể là bằng nhau. Sinh viên nam có tần suất sử dụng nhóm chiến lược xã hội - tình cảm cao hơn sinh viên nữ. Sinh viên nữ có tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược siêu nhận thức cao hơn sinh viên nam. Tuy nhiên, kết quả kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập cho thấy, không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$) giữa sinh viên nam và sinh viên nữ về tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc. Nói cách khác, giới tính không phải là nhân tố tác động đến việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên.

Kết quả này giống với kết quả nghiên cứu về trường hợp lưu học sinh Hàn Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ tại Trung Quốc [6-8]. Điều này có thể có liên quan đến động cơ học tập của người học. Khách thể của nghiên cứu này tuy không học tập trong môi trường ngôn ngữ đích (Trung Quốc), song có chuyên ngành là Ngôn ngữ Trung Quốc, cho dù là sinh viên nam hay là sinh viên nữ, đều có động cơ học tập tiếng Trung Quốc rất cao [22], vì vậy sinh viên có thể lựa chọn những chiến lược học tập hữu hiệu, tích cực, cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

Sau khi tiến hành kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể - trường hợp mẫu độc lập đối với từng chiến lược cụ thể, chúng tôi phát hiện tồn tại sự khác biệt giữa sinh viên nam và sinh viên nữ trong việc sử dụng hai chiến lược Q15 “khi đọc một mình, tôi sẽ đọc thành tiếng” ($t = -2,95$, $p < 0,01$) và Q19

“trong lúc đọc, nếu gặp câu khó, tôi sẽ đọc đi đọc lại, sau khi hiểu mới đọc tiếp” ($t = 2,01$, $p < 0,05$) của nhóm chiến lược nhận thức. Qua đó có thể thấy rằng, trong quá trình đọc một mình, sinh viên nữ thường thích đọc thành tiếng hơn sinh viên nam. Khi gặp nội dung khó trong lúc đọc, sinh viên nam lại thích đọc đi đọc lại cho đến lúc hiểu mới đọc tiếp, còn sinh viên nữ thì không thường như vậy. Điều này phần nào cho thấy, sinh viên nam có xu hướng muốn làm rõ các vấn đề thắc mắc hơn sinh viên nữ. Tuy nhiên, tỉ lệ nam nữ trong khách thể tham gia khảo sát cũng có ảnh hưởng nhất định đến kết quả nghiên cứu. Đây cũng là hạn chế của bài viết này.

4.3. Mối quan hệ giữa nhân tố vùng miền và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc

Tham gia khảo sát có 16 sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Bắc (chiếm tỉ lệ 8,6%), 44 sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung (chiếm tỉ lệ 23,5%) và 127 sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Nam (chiếm tỉ lệ 67,9%). Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc theo vùng miền như Bảng 5.

Bảng 5 cho thấy, sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Nam có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc cao hơn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Bắc và miền Trung về mặt tổng thể. Sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Nam có tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm cao hơn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung và miền Bắc. Sinh viên

đến từ các tỉnh, thành miền Bắc và miền Nam có tần suất sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức cao hơn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung. Tuy nhiên, kết quả kiểm định phương sai một yếu tố (One-Way ANOVA) cho thấy, không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$) về tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc giữa sinh viên các vùng miền. Sau khi tiến hành kiểm định phương sai một yếu tố (One-Way ANOVA) với từng chiến lược cụ thể, chúng tôi

phát hiện tồn tại sự khác biệt vùng miền trong việc sử dụng các chiến lược Q11 “khi đọc, nếu gặp từ mới, tôi sẽ đoán nghĩa của nó thông qua ngữ cảnh” ($F = 3,09, p < 0,05$), Q14 “khi đọc, tôi không đọc thành tiếng” ($F = 4,23, p < 0,05$), Q20 “tôi căn cứ hình ảnh, bảng biểu, dấu câu trong bài đọc để giúp bản thân hiểu bài đọc” ($F = 3,48, p < 0,05$) và Q24 “khi đọc, tôi sẽ chú ý kết cấu của bài (trước tiên viết cái gì, sau đó viết cái gì)” ($F = 3,68, p < 0,05$) của nhóm chiến lược nhận thức.

Bảng 5. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc theo vùng miền

Nhóm chiến lược	Vùng miền	Mean	SD	F	p
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Miền Bắc	3,69	0,82	0,84	0,43
	Miền Trung	3,55	0,75		
	Miền Nam	3,69	0,56		
Nhóm chiến lược nhận thức	Miền Bắc	3,68	0,54	1,37	0,26
	Miền Trung	3,68	0,47		
	Miền Nam	3,81	0,49		
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Miền Bắc	3,14	0,91	1,28	0,28
	Miền Trung	3,03	0,92		
	Miền Nam	3,27	0,87		
Tổng thể	Miền Bắc	3,51	0,62	1,47	0,23
	Miền Trung	3,42	0,62		
	Miền Nam	3,59	0,56		

Tiến hành phân tích sâu hơn, chúng tôi phát hiện: thứ nhất, sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung không thường xuyên thông qua ngữ cảnh đoán nghĩa của từ như sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Nam; Thứ hai, sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Bắc thường đọc thành tiếng khi đọc, còn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung và miền Nam ít đọc thành tiếng hơn; Thứ ba, sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Bắc và miền Nam thường tận dụng các thông tin xung quanh để hiểu bài đọc hơn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung; Thứ tư, sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Nam thường chú ý kết cấu bài đọc hơn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung.

Qua đó có thể thấy rằng, sinh viên đến từ các vùng miền khác nhau sẽ có sự khác biệt nhất định trong việc sử dụng một số chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc. Sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Nam thích

thông qua ngữ cảnh và các thông tin xung quanh để hiểu từ và bài hơn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung, đồng thời cũng chú ý đến kết cấu văn bản đọc hơn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung. Sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Bắc thích đọc to thành tiếng khi đọc hơn sinh viên đến từ các tỉnh, thành miền Trung và miền Nam. Sự khác biệt này có thể do nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, sự không cân đối về số lượng sinh viên phân bố theo vùng miền cũng có tác động nhất định đến kết quả phân tích. Đây cũng là hạn chế của nghiên cứu này.

4.4. Mối quan hệ giữa kết quả học tập và việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc

Kết quả phân tích tương quan Pearson giữa kết quả học tập và việc sử dụng chiến lược học

tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên như Bảng 6.

Bảng 6. Phân tích tương quan Pearson giữa kết quả học tập và chiến lược học tập kỹ năng đọc

	Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nhóm chiến lược nhận thức	Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm
Pearson Correlation	0,14	0,19	0,15
Sig. (2-tailed)	0,06	0,01	0,04

Bảng 6 cho thấy, nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm có liên quan đến kết quả học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên, còn nhóm chiến lược siêu nhận thức không ảnh hưởng đến kết quả học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc của sinh viên. Sinh viên nào sử dụng càng nhiều hai nhóm chiến lược này thì kết quả học tập càng cao. Ngược lại, sinh viên nào càng ít sử dụng hai nhóm chiến lược này thì kết quả học tập càng thấp.

Kết quả này khác với kết quả nghiên cứu về trường hợp lưu học sinh Hàn Quốc [23] và Lào [9] tại Trung Quốc. Kết quả này cũng khác với kết quả nghiên cứu về trường hợp sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Indonesia [11]. Trong các nghiên cứu này, các nhóm chiến lược học tập không có mối tương quan với kết quả học tập kỹ năng đọc của người học.

Sau khi phân tích tương quan Pearson giữa kết quả học tập và từng chiến lược cụ thể, chúng tôi phát hiện:

Thứ nhất, trong nhóm chiến lược siêu nhận thức, tồn tại mối tương quan thuận giữa kết quả học tập với các chiến lược Q3 “tôi chú ý tìm hiểu những tiến bộ và khiếm khuyết của bản thân trong phương diện đọc hiểu tiếng Trung Quốc” ($r = 0,19, p < 0,05$) và Q9 “tôi tìm đọc báo, tạp chí tiếng Trung Quốc sau giờ học, nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu của mình” ($r = 0,17, p < 0,05$);

Thứ hai, trong nhóm chiến lược nhận thức, tồn tại mối tương quan thuận giữa kết quả học

tập với các chiến lược Q11 “khi đọc, nếu gặp từ mới, tôi sẽ đoán nghĩa của nó thông qua ngữ cảnh” ($r = 0,14, p < 0,05$), Q13 “khi đọc, nếu gặp từ mới, tuy không hiểu, nhưng tôi vẫn đọc tiếp” ($r = 0,15, p < 0,05$), Q21 “khi đọc, tôi thích ghi chú, ghi lại những từ mới” ($r = 0,15, p < 0,05$), Q23 “khi đọc, tôi chú ý tìm kiếm câu chủ đề của đoạn văn, đồng thời tổng kết tư tưởng trung tâm của cả bài” ($r = 0,16, p < 0,05$), Q24 “khi đọc, tôi sẽ chú ý kết cấu của bài (trước tiên viết cái gì, sau đó viết cái gì)” ($r = 0,15, p < 0,05$), Q27 “sau khi đọc xong bài, tôi sẽ tiến hành tổng kết nội dung bài đọc” ($r = 0,23, p < 0,01$) và Q29 “khi đọc, trong đầu tôi sẽ hiện ra hình ảnh trong bài đọc” ($r = 0,18, p < 0,05$);

Thứ ba, trong nhóm chiến lược xã hội - tình cảm, tồn tại mối tương quan thuận giữa kết quả học tập với chiến lược Q31 “tôi thích chia sẻ với thầy cô và bạn bè về cảm nhận đọc hiểu của bản thân” ($r = 0,19, p < 0,05$).

Qua đó có thể thấy rằng, sinh viên có kết quả cao trong học tập kỹ năng đọc là những sinh viên có thói quen tìm kiếm câu chủ đề của đoạn văn, cấu trúc của văn bản, tưởng tượng bằng hình ảnh về văn bản khi đọc, tổng kết nội dung văn bản và chia sẻ cảm nhận của bản thân với người khác sau khi đọc xong. Nếu gặp từ mới trong quá trình đọc, những sinh viên này sẽ đoán nghĩa thông qua ngữ cảnh, hoặc lướt qua những từ này, song sẽ ghi chú lại để tra cứu sau này. Ngoài ra, những sinh viên này luôn mong muốn biết được ưu khuyết điểm của bản thân trong kỹ năng đọc và luôn tìm đọc thêm các tài liệu khác để nâng cao năng lực đọc của bản thân.

Điều này có thể dễ hiểu. Việc biết được cấu trúc văn bản, câu chủ đề của đoạn văn, tổng kết sau khi đọc, tưởng tượng hình ảnh về nội dung và chia sẻ những cảm nhận về văn bản với người khác sẽ giúp sinh viên hiểu hơn về văn bản. Việc đoán nghĩa từ mới dựa vào ngữ cảnh, lướt qua từ mới trong quá trình đọc sẽ làm cho sinh viên không bị cản trở hoặc mất đi hứng thú trong quá trình đọc. Việc ghi chú lại từ mới để tra cứu và học sau khi đọc xong sẽ giúp sinh viên gia tăng vốn từ vựng của bản thân, giúp sinh viên có thể đọc tốt hơn nữa các văn bản khác trong tương lai. Việc phát hiện những tiến

bộ của bản thân sẽ là nguồn động lực khuyến khích sinh viên đọc nhiều hơn. Việc tìm đọc thêm các văn bản khác sau giờ học sẽ giúp sinh viên nâng cao tốc độ đọc, củng cố từ vựng, từ đó nâng cao năng lực đọc hiểu của sinh viên. Chính vì vậy, những sinh viên có tần suất sử dụng các chiến lược này càng cao sẽ có kết quả học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc càng cao.

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Chiến lược học tập kỹ năng đọc là các phương pháp, kỹ thuật mà người học sử dụng để giải quyết những khó khăn trong quá trình đọc. Về mặt tổng thể, sinh viên Việt Nam sử dụng chiến lược học tập kỹ năng đọc tiếng Trung Quốc với tần suất cao, không tồn tại sự khác biệt về giới tính và vùng miền trong việc sử dụng các nhóm chiến lược học tập. Nhóm chiến lược nhận thức có tần suất sử dụng ở mức độ cao, có sự khác biệt về nhân tố giới tính trong việc sử dụng hai chiến lược đọc to thành tiếng và đọc đi đọc lại, có sự khác biệt về nhân tố vùng miền trong việc sử dụng các chiến lược đoán nghĩa, đánh dấu ký hiệu, chú ý kết cấu bài đọc, không đọc thành tiếng. Nhóm chiến lược siêu nhận thức có tần suất sử dụng ở mức độ cao, nhóm chiến lược xã hội - tình cảm có tần suất sử dụng ở mức độ trung bình, không có khác biệt về nhân tố giới tính, vùng miền trong việc sử dụng các chiến lược trong hai nhóm chiến lược này. Giữa nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược xã hội - tình cảm và kết quả học tập kỹ năng đọc tồn tại mối tương quan thuận, những sinh viên có kết quả học tập cao là những sinh viên có thói quen sử dụng các chiến lược đoán nghĩa, ghi chú khi gặp từ mới, tìm kiếm chủ đề, cấu trúc văn bản khi đọc, tổng kết nội dung, chia sẻ cảm nhận sau khi đọc, nhận biết ưu khuyết điểm và tìm đọc thêm văn bản khác.

5.2. Kiến nghị

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trên đây, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, giảng viên cần giúp sinh viên rèn luyện và tạo thành thói quen sử dụng một số

chiến lược trong quá trình đọc văn bản. Trước khi đọc, giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tiêu đề văn bản, sau đó hỏi cho sinh viên về những nội dung văn bản có thể sẽ đề cập đến. Trong khi đọc, giảng viên yêu cầu sinh viên xác định câu chủ đề của từng đoạn văn trong văn bản, phân tích cấu trúc của văn bản; cần nhắc nhở sinh viên đừng vội tra từ điển với những từ mới xuất hiện trong văn bản, mà nên đánh dấu hoặc ghi chú lại từ đó, dựa vào ngữ cảnh để đoán nghĩa của từ. Sau khi đọc xong, giảng viên yêu cầu sinh viên tổng kết nội dung văn bản, cho biết nghĩa của những từ mới xuất hiện trong văn bản mà sinh viên đã đoán nghĩa theo ngữ cảnh, sau đó tra cứu xem nghĩa trong từ điển và nghĩa đã đoán có tương tự với nhau không, giảng viên cũng cần yêu cầu sinh viên học thuộc các từ mới này.

Thứ hai, giảng viên cần giúp sinh viên phân tích, đánh giá những tiến bộ và hạn chế trong kỹ năng đọc. Sau buổi học đầu tiên, giảng viên cần phân tích những ưu điểm và hạn chế của sinh viên trong việc đọc hiểu văn bản. Từ đó, khuyến khích sinh viên tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện có, đồng thời tìm kiếm những biện pháp phù hợp để khắc phục những hạn chế. Khoảng hai đến ba tuần, giảng viên nên đưa ra những đánh giá về tiến bộ của sinh viên, cũng như hiệu quả của những chiến lược học tập kỹ năng đọc mà sinh viên đã sử dụng.

Thứ ba, giảng viên và Khoa quản lý sinh viên cần lập kế hoạch đọc hiểu ngoại khóa cho sinh viên. Giảng viên có thể cung cấp cho sinh viên các văn bản đọc có độ khó phù hợp với trình độ của sinh viên, quy định thời gian đọc văn bản, sinh viên sẽ báo cáo tóm tắt nội dung văn bản tại lớp. Giảng viên cũng có thể yêu cầu sinh viên chọn đọc một truyện ngắn, sau đó yêu cầu sinh viên chia sẻ những cảm nhận của bản thân với các bạn học khác thông qua các Facebook group, Zalo group của lớp hoặc của Khoa quản lý sinh viên. Ngoài ra, Khoa quản lý sinh viên có thể thành lập câu lạc bộ đọc sách tiếng Trung Quốc, sinh viên tham gia câu lạc bộ sẽ cùng đọc một quyển sách, sau đó chia sẻ những cảm nhận của bản thân, tranh luận với nhau về những nội dung trong sách.

Tài liệu tham khảo

- [1] D. L. Peng, *Psychology of Language*, Beijing Normal University Publishing Group, Beijing, 1991.
- [2] J. Langer, *The Reading Process*, in: A. Berget, H. A. Robinson (Eds.), *Secondary School Reading: What Research Reveals for Classroom Practice*, ERIC Clearinghouse on Reading and Communication Skills, Urbana, 1982, pp. 39-52.
- [3] C. Wallace, *Reading*, Oxford University Press, Oxford, 1992.
- [4] K. Johnson, H. Johnson, *Encyclopedic Dictionary of Applied Linguistics: A Handbook for Language Teaching*, Black Well Publishing Ltd, New York, 1998.
- [5] L. Li, *Research on Chinese Reading Strategies of Japanese International Students*, Master Thesis, Shanghai International Studies University, 2005.
- [6] Y. L. Qian, *A survey of Korean Students' Chinese Reading Learning Strategies*, *Chinese Teaching in The World*, No. 4, 2006, pp. 80-88.
- [7] Q. Long, *Study on the Thailand Students' Chinese Reading Strategies*, Master Thesis, Southwest University, 2011.
- [8] Z. Zhou, *A Survey on Chinese Reading Strategies of Native English Speakers at the Intermediate and Advanced Stages*, Master Thesis, Fudan University, 2011.
- [9] C. Y. Song, *A Study on Chinese Reading Strategies of Foreign Students from Laos*, Master Thesis, Yunnan University, 2021.
- [10] Y. J. Du, *A Survey Analysis of Kyrghzstan University Chinese Learner on Reading Strategies*, Master Thesis, Xinjiang Normal University, 2014.
- [11] E. Kartika, *The Research of Chinese Learning Strategies of Indonesian Students' - specifically the Second Year's Students of Bina Nusantara University's Chinese Department*, Master Thesis, Huaqiao University, 2018.
- [12] J. Doi, *A Survey of Reading Learning Strategies for Non - Chinese Chinese Language Learners in Myanmar at the Primary and Intermediate Levels*, Master Thesis, Minzu University of Chinese, 2019.
- [13] Y. R. Zhao, *A Research of Reading Strategies for Upper Intermediate Stage Chinese Learners in Spanish*, Master Thesis, Dalian University of Foreign Languages, 2020.
- [14] M. K. Tapiba, *An Investigation Report on Chinese Reading Strategies by Cameroonian Students of the Elementary and Intermediate Level*, Master Thesis, Shanghai International Studies University, 2021.
- [15] K. Lin, X. Lu, *An Analysis of Chinese Language Learning Strategies by Vietnamese Students*, *Journal of Chinese Language and Culture College of Jinan University*, No. 4, 2005, pp. 19-24.
- [16] X. Lu, K. Lin, *The Relation between Chinese Language Learning Strategy of Vietnamese Students and Result of HSK*, *Higher Education Forum*, No. 3, 2007, pp. 155-159.
- [17] L. H. Vu, *A Study of Chinese as a Second Foreign Language Learning Strategies for English Majors*, in: *Linguistic Society of Vietnam, Vietnamese Language in the Context of Exchange, Integration and Development*, Dan Tri Publisher, Hanoi, 2019, pp. 1017-1024.
- [18] L. H. Vu, *A Study of Chinese Language Learning Strategies of Chinese Language Students in Vietnam*, in: *VNU Hanoi - University of Languages and International Studies, Proceedings of the National Scientific Conference 2020: Research and Teaching of Foreign Languages, Languages and International Studies in Vietnam*, Vietnam National University Press, Hanoi, 2020, pp. 687-695.
- [19] L. H. Vu, *A Study of Chinese Listening Learning Strategies of Vietnamese Students*, *Journal of Social Sciences Ho Chi Minh City*, No. 8, 2019, pp. 59-68.
- [20] N. T. T. Trang, N. P. Thuy, *Research on Reading Comprehension Strategies to Improve Chinese Reading Comprehension Skills for Major Students at the Thuong Mai University*, *Vietnamese Teachers*, No. 4, 2021, pp. 104-108.
- [21] J. M. O'Malley, A. U. Chamot, *Learning Strategies in Second Language Acquisition*, Cambridge University Press, Cambridge, 1990.
- [22] L. H. Vu, *Learning Motivations in Native Language Environment: A Study of Vietnamese Elementary Learners of Chinese*, *Journal of International Chinese Teaching*, No. 2, 2020, pp. 59-66.
- [23] N. Liu, *Korean Students in the Intermediate Level Chinese Language Learning Strategy Research Report*, Master Thesis, Northeast Normal University, 2012.

Phụ lục

BẢNG KHẢO SÁT CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP KỸ NĂNG ĐỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

Mã câu hỏi	Nội dung
Q1	Trước khi tra từ mới, tôi sẽ nghĩ xem từ này có cần tra không.
Q2	Tôi có kế hoạch đọc, ví dụ mỗi tuần đọc mấy bài viết bằng tiếng Trung Quốc.
Q3	Tôi chú ý tìm hiểu những tiến bộ và khiếm khuyết của bản thân trong phương diện đọc hiểu tiếng Trung Quốc.
Q4	Khi đọc, tôi thường hỏi bản thân: Hiểu như thế đúng chưa?
Q5	Tôi thường tiến hành đánh giá năng lực đọc hiểu của bản thân, như vào giữa học kì, cuối học kì,...
Q6	Tôi sẽ nghĩ xem bản thân còn có những kỹ thuật đọc hiểu nào cần nâng cao.
Q7	Tôi thường suy nghĩ, tổng kết về tính hiệu quả của phương pháp đọc hiểu của bản thân.
Q8	Khi tôi nhanh chóng, chuẩn xác đọc xong một bài đọc, tôi sẽ tự khen mình trong lòng.
Q9	Tôi tìm đọc báo, tạp chí tiếng Trung Quốc sau giờ học, nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu của mình.
Q10	Sau khi đọc xong, tôi sẽ chú ý ôn tập những từ mới, ngữ pháp trong bài đọc.
Q11	Khi đọc, nếu gặp từ mới, tôi sẽ đoán nghĩa của nó thông qua ngữ cảnh.
Q12	Khi đọc, nếu gặp từ mới, tôi sẽ tra từ điển.
Q13	Khi đọc, nếu gặp từ mới, tuy không hiểu, nhưng tôi vẫn đọc tiếp.
Q14	Khi đọc, tôi không đọc thành tiếng.
Q15	Khi đọc một mình, tôi sẽ đọc thành tiếng.
Q16	Khi đọc, tôi dùng tay hoặc bút chỉ vào từng chữ Hán.
Q17	Khi đọc, tôi thích đọc từ từ từng chữ một.
Q18	Khi đọc, tôi vừa đọc vừa chuyển dịch sang tiếng Việt trong đầu.
Q19	Trong lúc đọc, nếu gặp câu khó, tôi sẽ đọc đi đọc lại, sau khi hiểu mới đọc tiếp.
Q20	Tôi căn cứ hình ảnh, bảng biểu, dấu câu trong bài đọc để giúp bản thân hiểu bài đọc.
Q21	Khi đọc, tôi thích ghi chú, ghi lại những từ mới.
Q22	Khi đọc, tôi thường đánh kí hiệu ở điểm quan trọng, như đánh kí hiệu “- Δ O”.
Q23	Khi đọc, tôi chú ý tìm kiếm câu chủ đề của đoạn văn, đồng thời tổng kết tư tưởng trung tâm của cả bài.
Q24	Khi đọc, tôi sẽ chú ý kết cấu của bài (trước tiên viết cái gì, sau đó viết cái gì).
Q25	Khi đọc, tôi sẽ chú ý đến tiêu đề của bài.
Q26	Khi đọc, tôi sẽ xem tiêu đề trước, sau đó căn cứ vào tiêu đề đoán nội dung của bài đọc.
Q27	Sau khi đọc xong bài, tôi sẽ tiến hành tổng kết nội dung bài đọc.
Q28	Khi đọc, tôi sẽ căn cứ vào nội dung đã đọc và kiến thức của bản thân để đoán nội dung tiếp theo của bài đọc.
Q29	Khi đọc, trong đầu tôi sẽ hiện ra hình ảnh trong bài đọc.
Q30	Tôi xem lướt qua đại ý của bài đọc trước, sau đó mới đọc kĩ.
Q31	Tôi thích chia sẻ với thầy cô và bạn bè về cảm nhận đọc hiểu của bản thân.
Q32	Khi đọc không hiểu, tôi sẽ hỏi thầy cô, bạn bè hoặc người Trung Quốc.
Q33	Khi đọc, tôi có thể hiểu tư tưởng và cảm nhận của tác giả.
Q34	Khi đọc, trong đầu tôi sẽ đối thoại, đặt câu hỏi với tác giả.